



SỔ TAY THUẾ 2020 (Quyển 2/6) THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế / Tư vấn

III. Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là loại thuế đánh trực tiếp lên thu nhập của một tổ chức, một pháp nhân.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp thu trên thu nhập của doanh nghiệp sau khi đã trừ những chi phí để tạo ra thu nhập trong kỳ tính thuế. Như vậy doanh nghiệp chỉ khi có lãi mới phải nộp thuế TNDN.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp điều chỉnh đối với các doanh nghiệp thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam và cả các doanh nghiệp nước ngoài có thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam.

Chính sách ưu đãi thuế TNDN nhằm thu hút đầu tư vào vùng khó khăn, khuyến khích phát triển các lĩnh vực nhất định, khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ và vùng, đồng thời tạo cơ chế cạnh tranh thu hút đầu tư nước ngoài.

Văn bản pháp lý

- Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008 số 14/2008/QH12.
- Luật số 32/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Luật về thuế.
- Nghị định 218/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Nghị định 91/2014/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế.
- Nghị định 12/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế.
- Thông tư 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định 218/2013/NĐ-CP quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Thông tư 151/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định 91/2014/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định quy định về thuế.
- Thông tư 96/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 78/2014/TT-BTC, Thông tư 119/2014/TT-BTC, Thông tư 151/2014/TT-BTC.
- Nghị định 146/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP của Chính phủ.
- Thông tư 25/2018/TT-BTC hướng dẫn nghị định 146/2017/NĐ-CP sửa đổi thông tư 78/2014/TT-BTC
- Các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn khác.

1. Đối tượng nộp thuế

Người nộp thuế TNDN là các tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh có thu nhập chịu thuế theo quy định.

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh ở trong và ngoài Việt Nam.
- Doanh nghiệp nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh ngoài Việt Nam liên quan đến hoạt động của cơ sở thường trú đó và thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam. *(hướng dẫn chi tiết cho đối tượng này xem tại mục VI. Thuế nhà thầu nước ngoài)*
- Doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam. *(hướng dẫn chi tiết cho đối tượng này xem tại mục VI. Thuế nhà thầu nước ngoài)*

Định nghĩa “Cơ sở thường trú của doanh nghiệp nước ngoài”

Cơ sở sản xuất, kinh doanh mà thông qua cơ sở này, doanh nghiệp nước ngoài tiến hành một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam, bao gồm:

- Chi nhánh, văn phòng điều hành, nhà máy, công xưởng, phương tiện vận tải, mỏ dầu, mỏ khí, mỏ hoặc địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên khác tại Việt Nam.
- Địa điểm xây dựng, công trình xây dựng, lắp đặt, lắp ráp.
- Cơ sở cung cấp dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ tư vấn thông qua người làm công hoặc tổ chức, cá nhân khác.
- Đại lý cho doanh nghiệp nước ngoài.
- Đại diện tại Việt Nam trong trường hợp là đại diện có thẩm quyền ký kết hợp đồng đứng tên doanh nghiệp nước ngoài hoặc đại diện không có thẩm quyền ký kết hợp đồng đứng tên doanh nghiệp nước ngoài nhưng thường xuyên thực hiện việc giao hàng hoá hoặc cung ứng dịch vụ tại Việt Nam.

Định nghĩa “thu nhập chịu thuế TNDN”

Thu nhập chịu thuế TNDN bao gồm:

- Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ;
- Thu nhập khác bao gồm thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền góp vốn; thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; thu nhập từ quyền sử dụng tài sản, quyền sở hữu tài sản, kể cả thu nhập từ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật; thu nhập từ chuyển nhượng, cho thuê, thanh lý tài sản, trong đó có các loại giấy tờ có giá; thu nhập từ lãi tiền gửi, cho vay vốn, bán ngoại tệ; khoản thu từ nợ khó đòi đã xoá nay đòi được; khoản thu từ nợ phải trả không xác định được chủ; khoản thu nhập từ kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót và các khoản thu nhập khác, kể cả thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh ở ngoài Việt Nam.

2. Căn cứ tính thuế TNDN

2.1. Công thức xác định thuế TNDN

$$\text{Thuế TNDN} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

Thu nhập tính thuế và thuế suất đối với từng loại thu nhập chịu thuế:

Loại thu nhập chịu thuế	Thu nhập tính thuế	Thuế suất
Thu nhập chịu thuế trong kỳ	Thu nhập tính thuế = thu nhập chịu thuế - (thu nhập được miễn thuế + các khoản lỗ kết chuyển từ các năm trước).	20%: Thuế suất thuế TNDN phổ thông
	Trong đó: Thu nhập chịu thuế = (doanh thu – chi phí được trừ) + thu nhập khác <i>Thu nhập được miễn thuế và các khoản lỗ kết chuyển từ các năm trước xem chi tiết tại mục III phần 2.2 và 2.4 tương ứng.</i>	32% đến 50%: Thuế suất thuế TNDN đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí tại Việt Nam 40% hoặc 50%: Thuế suất thuế TNDN đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác các mỏ tài nguyên quý hiếm (bao gồm: bạch kim, vàng, bạc, thiếc, vonfram, antimon, đá quý, đất hiếm trừ dầu khí).

Thu nhập từ chuyển nhượng vốn	Giá chuyển nhượng – giá mua của phần chuyển nhượng – chi phí chuyển nhượng	20%
Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán	Giá bán chứng khoán – giá mua của chứng khoán chuyển nhượng – chi phí chuyển nhượng	20%
Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	Thu nhập chịu thuế các khoản lỗ của hoạt động chuyển nhượng BĐS của các năm trước (nếu có). Trong đó: Thu nhập chịu thuế = Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng BĐS – giá vốn của BĐS – chi phí chuyển nhượng.	20%.

Doanh nghiệp có nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ áp dụng nhiều mức thuế suất khác nhau thì doanh nghiệp phải tính riêng thu nhập của từng hoạt động nhân với thuế suất tương ứng.

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản theo quy định của pháp luật phải hạch toán riêng để kê khai nộp thuế TNDN, không được hưởng ưu đãi thuế TNDN.

2.2. Thu nhập được miễn thuế

- Thu nhập từ hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp theo quy định của pháp luật.
- Thu nhập từ việc thực hiện một số dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ nông nghiệp.
- Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp có số lao động là người khuyết tật, người sau cai nghiện ma túy, người nhiễm HIV bình quân trong năm chiếm từ 30% trở lên trong tổng số lao động bình quân trong năm của doanh nghiệp.
- Thu nhập từ hoạt động dạy nghề dành riêng cho người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đối tượng tệ nạn xã hội, người đang cai nghiện, người sau cai nghiện, người nhiễm HIV/AIDS.
- Thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần, liên doanh, liên kết kinh tế với doanh nghiệp trong nước, sau khi bên nhận góp vốn, phát hành cổ phiếu, liên doanh, liên kết đã nộp thuế TNDN theo quy định của Luật Thuế TNDN.
- Khoản tài trợ nhận được để sử dụng cho hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, văn hóa, nghệ thuật, từ thiện, nhân đạo và hoạt động xã hội khác tại Việt Nam.
- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải (CERs) lần đầu của doanh nghiệp được cấp chứng chỉ giảm phát thải.
- Thu nhập từ thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao của Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong hoạt động tín dụng đầu tư phát triển, tín dụng xuất khẩu; thu nhập từ hoạt động tín dụng cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác của Ngân hàng Chính sách xã hội; thu nhập của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam; thu nhập từ hoạt động có thu do thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao của các quỹ tài chính Nhà nước theo quy định của pháp luật.
- Phần thu nhập không chia của cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế và lĩnh vực xã hội hóa khác (bao gồm cả Văn phòng giám định tư pháp) để lại để đầu tư phát triển cơ sở đó theo quy định của luật chuyên ngành về giáo dục - đào tạo, y tế và về lĩnh vực xã hội hóa khác; phần thu nhập hình thành tài sản không chia của hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật hợp tác xã.
- Thu nhập từ chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
- Thu nhập của văn phòng thừa phát lại (trừ các khoản thu nhập từ các hoạt động khác ngoài hoạt động thừa phát lại) trong thời gian thực hiện thí điểm theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

2.3 Các khoản chi được trừ, nếu đáp ứng đủ điều kiện:

- Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
- Có đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật. Đối với hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ hai mươi triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định.
- Không thuộc danh sách các khoản chi không được trừ theo quy định.

Các khoản chi không được trừ - Xem chi tiết tại [phụ lục 4- Chi phí không được trừ khi xác định thu nhập tính thuế TNDN](#), dưới đây là một số chi phí nổi bật:

- Khoản chi không đáp ứng đủ điều kiện là chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.
- Chi khấu hao TSCĐ không đúng theo quy định hiện hành, phần trích khấu hao vượt mức theo quy định hiện hành.
- Phần trích khấu hao tương ứng với phần nguyên giá vượt trên 1,6 tỷ đồng/xe đối với ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống.
- Chi khấu hao TSCĐ trong thời gian tạm dừng từ 9 tháng trở (đối với tạm dừng do sản xuất mùa vụ) hoặc từ 12 tháng trở lên (đối với tạm dừng để sửa chữa, di dời do chuyển địa điểm, bảo trì theo định kỳ).
- Mua hàng hóa, dịch vụ của hộ gia đình, cá nhân kinh doanh có doanh thu dưới ngưỡng doanh thu chịu thuế GTGT (100 triệu đồng/ năm) không có hóa đơn và bảng kê thu mua hàng hóa dịch vụ theo quy định.
- Chi tiền lương, tiền công và các khoản phải trả khác cho NLĐ thực tế không chi trả hoặc không có chứng từ thanh toán theo quy định; không được quy định cụ thể trong hợp đồng hay thỏa ước lao động, quy chế tài chính của công ty.
- Phần chi trang phục bằng tiền cho người lao động vượt quá 05 triệu đồng/ người/ năm.
- Phần chi vượt mức 03 triệu đồng/tháng/người để: Trích nộp quỹ hưu trí tự nguyện, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ cho người lao động; Phần vượt mức quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, về bảo hiểm y tế để trích nộp các quỹ có tính chất an sinh xã hội (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm hưu trí bổ sung bắt buộc), quỹ bảo hiểm y tế và quỹ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ tính thuế bao gồm chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ cuối kỳ tính thuế)

- Phần chi phí quản lý kinh doanh do công ty ở nước ngoài phân bổ cho cơ sở thường trú tại Việt Nam vượt mức chi phí phân bổ công thức sau:

Chi phí quản lý kinh doanh do công ty ở nước ngoài phân bổ cho cơ sở thường trú tại Việt Nam trong kỳ tính thuế	=	Doanh thu tính thuế của cơ sở thường trú tại Việt Nam trong kỳ tính thuế	x	Tổng số chi phí quản lý kinh doanh của công ty ở nước ngoài trong kỳ tính thuế.
		Tổng doanh thu của công ty ở nước ngoài, bao gồm cả doanh thu của các cơ sở thường trú ở các nước khác trong kỳ tính thuế		

- Khoản chi liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu (trừ cổ phiếu thuộc loại nợ phải trả) và cổ tức của cổ phiếu (trừ cổ tức của cổ phiếu thuộc loại nợ phải trả), mua bán cổ phiếu quỹ và các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc tăng, giảm vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.
- Các khoản tiền phạt về vi phạm hành chính.
- Thuế giá trị gia tăng đầu vào đã được khấu trừ hoặc hoàn thuế, thuế TNCN, Thuế TNDN.
- Quỹ dự phòng để bổ sung vào quỹ tiền lương của năm sau liền kề nếu không đáp ứng một trong 2 điều kiện:
 - Mức dự phòng quỹ tiền lương không quá 17% quỹ tiền lương thực hiện.
 - Chi hết trong vòng 6 tháng từ ngày kết thúc năm tài chính.
- Chi phí lãi vay không được tính vào chi phí được trừ trong các trường hợp sau:
 - Phần chi phí trả lãi tiền vay vốn sản xuất kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế vượt quá 1,5 lần mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay.
 - Chi trả lãi tiền vay vốn tương ứng với phần vốn điều lệ đã đăng ký còn thiếu theo tiến độ góp vốn ghi trong điều lệ của doanh nghiệp.
 - Chi phí lãi vay không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, không có đầy đủ hóa đơn/ chứng từ.
 - Tổng chi phí lãi vay trong kỳ vượt quá mức 20% EBITDA (quy định tại Nghị định 20 & Thông tư 41).
 - Trường hợp chỉ số EBITDA âm thì toàn bộ chi phí lãi vay trong kỳ tính thuế không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

2.4. Chuyển lỗ

Doanh nghiệp sau khi quyết toán thuế mà bị lỗ thì **chuyển toàn bộ và liên tục số lỗ** vào thu nhập (thu nhập chịu thuế đã trừ thu nhập miễn thuế) của những năm tiếp theo trong thời gian tính liên tục không quá 5 năm, kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ.

- Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư được bù trừ vào lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế TNDN được bù trừ vào lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế TNDN và ngược lại.

3. Ưu đãi thuế TNDN

Đối tượng hưởng ưu đãi thuế TNDN:

- Dự án đầu tư mới thuộc địa bàn khuyến khích đầu tư, hoạt động trong lĩnh vực khuyến khích đầu tư hay dự án có quy mô lớn.
- Dự án đầu tư mở rộng cần đáp ứng các tiêu chí nhất định.

Doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn được hưởng ưu đãi thuế TNDN có thể được hưởng thuế suất ưu đãi (10%, 15%, 17%), giảm thuế hoặc miễn thuế trong thời gian quy định của pháp luật tùy thuộc vào điều kiện của dự án nhận ưu đãi.

Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi thuế TNDN	Thuế suất ưu đãi	Miễn thuế	Giảm thuế
<i>Thu nhập của DN từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn khuyến khích đầu tư: khu kinh tế, khu công nghệ cao và địa bàn có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn.</i>	10% trong thời hạn 15 năm	Tối đa không quá 4 năm	Giảm 50% số thuế phải nộp không quá 9 năm tiếp theo
<i>Thu nhập của DN từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư, bao gồm:</i> Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của Luật Công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đầu tư mạo hiểm cho phát triển công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên phát triển theo quy định của pháp luật về công nghệ cao; đầu tư xây dựng - kinh doanh cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đầu tư phát triển nhà máy nước, nhà máy điện, hệ thống cấp thoát nước; cầu, đường bộ, đường sắt; cảng hàng không, cảng biển, cảng sông; sân bay, nhà ga và công trình cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định; sản xuất sản phẩm phần mềm; sản xuất vật liệu composit, các loại vật liệu xây dựng nhẹ, vật liệu quý hiếm; sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải; phát triển công nghệ sinh học.	10% trong thời hạn 15 năm	Tối đa không quá 4 năm	Giảm 50% số thuế phải nộp không quá 9 năm tiếp theo
<i>Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường, bao gồm:</i> Sản xuất thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường, thiết bị quan trắc và phân tích môi trường; xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường; thu gom, xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn; tái chế, tái sử dụng chất thải.	10% trong thời hạn 15 năm	Tối đa không quá 4 năm	Giảm 50% số thuế phải nộp không quá 9 năm tiếp theo
<i>DN công nghệ cao, Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao</i>			
<i>Thu nhập của DN từ thực hiện dự án đầu tư mới quy mô lớn trong lĩnh vực sản xuất (trừ dự án sản xuất mặt hàng chịu thuế TTĐB và dự án khai thác khoáng sản):</i> Quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ đồng, thực hiện giải ngân không quá 3 năm kể từ ngày được phép đầu tư lần đầu và đáp ứng 1 trong 2 tiêu chí sau:	10% trong thời hạn 15 năm	Tối đa không quá 4 năm	Giảm 50% số thuế phải nộp không quá 9 năm tiếp theo

○ Tổng doanh thu tối thiểu đạt 10.000 tỷ đồng/ năm chậm nhất 3 năm kể từ năm có doanh thu. ○ Sử dụng thường xuyên trên 3.000 lao động chậm nhất sau 3 năm kể từ năm có doanh thu. ● Quy mô vốn đầu tư tối thiểu 12.000 tỷ đồng, sử dụng công nghệ được thẩm định theo quy định, thực hiện giải ngân tổng vốn đầu tư đăng ký tối đa 5 năm kể từ ngày được phép đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.			
<i>Thu nhập của DN từ thực hiện Dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển</i> đáp ứng một trong các tiêu chí: ● Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho công nghệ cao theo quy định của Luật công nghệ cao; ● Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho sản xuất sản phẩm các ngành: dệt - may; da - giày; điện tử - tin học; sản xuất lắp ráp ô tô; cơ khí chế tạo mà các sản phẩm này tính đến ngày 01/01/2015 trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng phải đáp ứng được tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu (EU) hoặc tương đương.	10% trong thời hạn 15 năm	Tối đa không quá 4 năm	Giảm 50% số thuế phải nộp không quá 9 năm tiếp theo
<i>Phần thu nhập của DN từ thực hiện hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực xã hội hóa:</i> Giáo dục-đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp.	10%	Tối đa không quá 4 năm	● Dự án thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn: giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo; ● Dự án thực hiện tại địa bàn không thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn: giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo.
Phần thu nhập từ <i>hoạt động xuất bản</i> của Nhà xuất bản theo quy định tại Luật Xuất bản.	10%	Không được áp dụng	Không được áp dụng
Phần thu nhập từ <i>hoạt động báo in</i> của cơ quan báo chí theo quy định tại Luật Báo chí.	10%	Không được áp dụng	Không được áp dụng

Phần thu nhập của DN từ thực hiện <i>dự án đầu tư- kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua</i> theo quy định tại Luật Nhà ở.	10%	Không được áp dụng	Không được áp dụng
Thu nhập từ một số hoạt động trong <i>lĩnh vực nông- lâm- thủy sản ở địa bàn kinh tế xã hội khó khăn</i> .	10%	Không được áp dụng	Không được áp dụng
Phần thu nhập của hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp không thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn và địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	10%	Không được áp dụng	Không được áp dụng
Thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, chế biến <i>trong</i> lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.	15%	Không được áp dụng	Không được áp dụng
Thu nhập của DN từ <i>thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn</i> .	17% trong thời gian 10 năm	Tối đa không quá 2 năm	Giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 4 năm tiếp theo
Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện <i>dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư</i> : Sản xuất thép cao cấp; sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng; sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp; sản xuất thiết bị tưới tiêu; sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản; phát triển ngành nghề truyền thống.			
Thu nhập của DN từ thực hiện <i>dự án đầu tư mới tại khu công nghiệp, trừ khu công nghiệp thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi</i> .	20%		

Thời gian hưởng ưu đãi có thể được gia hạn nếu dự án đáp ứng tiêu chí theo quy định của pháp luật, tuy nhiên thời gian gia hạn không quá thời gian được hưởng ưu đãi lần đầu tiên.

Một số lưu ý khác:

- Hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế TNDN.
- Trong cùng một thời gian, nếu doanh nghiệp được hưởng nhiều mức ưu đãi thuế khác nhau đối với cùng một khoản thu nhập thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi thuế có lợi nhất.
- Trong thời gian được hưởng ưu đãi thuế TNDN, nếu trong năm tính thuế mà doanh nghiệp không đáp ứng đủ một trong các điều kiện ưu đãi thuế thì năm tính thuế đó không được hưởng ưu đãi thuế.
- Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản theo quy định của pháp luật phải hạch toán riêng để kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư xem chi tiết tại *Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ.*

Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư xem chi tiết tại *Phụ lục II Ban hành kèm theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ.*



4. kê khai, quyết toán và nộp thuế TNDN

Kê khai và quyết toán thuế TNDN

- Kỳ kê khai và tờ khai thuế TNDN

Trường hợp kê khai/ quyết toán	Kỳ kê khai/ quyết toán	Mẫu tờ khai
Chuyển nhượng bất động sản (đối với DN không có chức năng kinh doanh BĐS)	Theo từng lần phát sinh	Mẫu số 02/TNDN
Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng vốn (đối với tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam (gọi chung là nhà thầu nước ngoài) mà tổ chức này không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp)	Theo từng lần phát sinh	Mẫu số 05/TNDN
Đối với các khoản thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh bình thường của DN (không thuộc các loại trên)	Không phải nộp tờ khai thuế tạm tính hàng quý mà chỉ quyết toán thuế vào cuối năm tài chính/ năm giải thể. Tuy nhiên DN phải tạm nộp thuế TNDN hàng quý. Nếu số thuế tạm nộp trong kỳ tính thuế thấp hơn số thuế TNDN phải nộp theo quyết toán từ 20% trở lên thì DN phải nộp tiền chậm nộp thuế đối với phần chênh lệch từ 20% trở lên giữa số thuế tạm nộp với số thuế phải nộp theo quyết toán tính từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn nộp thuế quý 4 của DN đến ngày thực nộp số tiền thuế còn thiếu so với quyết toán.	Mẫu số 03/TNDN

- Nơi nộp hồ sơ khai thuế TNDN:
 - Tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp (Cục Thuế hoặc chi cục Thuế).
 - Trường hợp DN có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc ở địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc TW khác với địa phương nơi đóng trụ sở chính thì nộp hồ sơ khai thuế tại địa phương có trụ sở chính (khai tập trung cả phần phát sinh tại đơn vị phụ thuộc).

Nộp thuế TNDN

- Nơi nộp thuế TNDN:
 - Tại địa phương nơi đóng trụ sở chính.
 - Trường hợp DN có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc ở địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung Ương khác với địa phương nơi đóng trụ sở chính thì số thuế được tính nộp ở nơi có trụ sở chính và nơi có cơ sở sản xuất. Số thuế TNDN phải nộp tại từng nơi được phân bổ dựa vào tỷ lệ chi phí phát sinh tại cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc so với tổng chi phí của doanh nghiệp.
- DN căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh thực hiện tạm nộp số thuế TNDN của quý.
- Thời hạn nộp thuế TNDN ([Xem chi tiết tại mục Quản lý thuế](#)):
 - Tạm nộp thuế TNDN hàng quý: chậm nhất ngày thứ 30 của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế (từ ngày 01/07/2020 thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày 30 của tháng đầu quý sau).
 - Trường hợp kê khai thuế TNDN theo từng lần phát sinh: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ.
 - Nộp thuế theo quyết toán thuế TNDN: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính (từ ngày 01/07/2020 chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính đối với hồ sơ quyết toán thuế năm). Quyết toán giải thể: 45 ngày kể từ ngày có Quyết định giải thể.

5. Chuyển lợi nhuận ra nước ngoài

Nhà đầu tư được phép chuyển lợi nhuận ra nước ngoài khi kết thúc năm tài chính hoặc khi kết thúc hoạt động đầu tư tại Việt Nam (trừ trường hợp DN được đầu tư còn số lỗ lũy kế sau khi đã chuyển lỗ theo quy định của pháp luật về thuế TNDN).

Điều kiện chuyển lợi nhuận ra nước ngoài:

- Nhà đầu tư nước ngoài đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật.
- Đã nộp báo cáo tài chính đã được kiểm toán và tờ khai quyết toán thuế TNDN cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Nhà đầu tư nước ngoài trực tiếp hoặc uỷ quyền cho doanh nghiệp mà nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư thực hiện thông báo việc chuyển lợi nhuận ra nước ngoài trước khi thực hiện chuyển lợi nhuận ra nước ngoài ít nhất là 07 ngày làm việc.

Về Vimax Asia

Văn phòng Hà Nội

Phòng 1009, Tầng 10,
Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương,
Quận Thanh Xuân,
Hà Nội
Tel: +84 24 6269 1768
Fax: +84 24 6269 8503

Văn phòng Hồ Chí Minh

A3.0510, Tầng 05, The
Goldview, 346 Bến Vân
Đồn, Quận 4,
TP. HCM
Tel: +84 24 6269 1768
Fax: +84 24 6269 8503

Vimax Asia thành lập văn phòng tại Hà Nội và Tp.Hồ Chí Minh. Đội ngũ của chúng tôi bao gồm các chuyên gia am hiểu về môi trường kinh doanh tại Việt Nam, có sự hiểu biết sâu sắc các chính sách và thủ tục đầu tư, thuế, pháp luật, kế toán và tư vấn trên khắp cả nước

Chúng tôi luôn cố gắng và nỗ lực hỗ trợ quý các quý khách hàng bằng hết khả năng của mình để giúp họ đạt được mục tiêu mong muốn. Bằng đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm và có kiến thức chuyên môn cao, chúng tôi cung cấp dịch vụ toàn diện cho khách hàng tại mỗi thị trường địa phương và trên khắp châu Á.

www.vimaxasia.com
vimaxasia@vimaxasia.com